

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 14/2020/HS-ST

Ngày: 08-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Công.

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Dương Thành Đ, sinh năm: 1986; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký HKTT: ấp AN1, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn B, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970; Có vợ là Đoàn Thị L, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2011; Em ruột có 01 người sinh năm 1993; Tiền án: 02 (Vào ngày 25-10-2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Vào ngày 08-11-2016 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 19-12-2016 Chánh án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre ra Quyết định tổng hợp hình phạt tù của hai bản án đối với Dương Thành Đ, thời hạn 04 năm tù; Ngày 07-10-2019 Đ chấp hành xong hình phạt tù); Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16-01-2020 đến ngày 19-01-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay; *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

2. Lê Ngọc Th, sinh năm: 1983; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký HKTT: ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Lê Bá P, sinh năm: 1958 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1949 (đã chết); Có vợ là Trần Thị Nh, sinh năm 1990 và có 02 người con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010; Anh, chị ruột có 02 người lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1981; Tiền án: 02 (Vào ngày 25-10-2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Vào ngày 08-11-2016 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 19-12-2016 Chánh án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre ra Quyết định tổng hợp hình phạt tù của hai bản án đối với Lê Ngọc Th, thời hạn 03 năm tù; Ngày 21-12-2018 Th chấp hành xong hình phạt tù); Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16-01-2020 đến ngày 19-01-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay; *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Th: Ông Lê Văn V – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm: 1979 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Nơi cư trú: ấp MHA, xã ĐM, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Huỳnh Ngọc Đ1, sinh năm: 1977 (*Có mặt*).

Nơi cư trú: ấp HL, xã HL, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Ông Dương Văn B, sinh năm: 1960 (*Có mặt*).

Nơi cư trú: ấp AN1, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre;

3/ Anh Hồ Thanh N, sinh năm: 1986 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Nơi cư trú: ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 09 giờ ngày 10-01-2020, Dương Thành Đ điều khiển xe mô tô biển số 71B1-767.45 nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh của Dương Văn B (Là cha của Đ) đến nhà của Lê Ngọc Th. Tại đây, Đ, Th rủ nhau đi tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu sài. Đ và Th lần lượt thay nhau điều khiển xe 71B1-767.45 đi xung quanh khu vực huyện M tìm tài sản trộm mà không có. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Th điều khiển xe mô tô 71B1-767.45 chở Đ qua cầu Cổ Chiên đến xã ĐM, huyện C. Khi qua cống CH được khoảng 01 km thì cả hai phát hiện một xe mô tô hiệu Future màu sơn đỏ đen, số máy JC35E0066976, số khung RLHJC35065Y066924, biển kiểm soát 84H4-3927 của bà Phạm Thị Thúy H ở ấp MHA, xã ĐM, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang dừng bên trong nhà phía bên tay phải theo hướng đi của Th, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, nên Đ và Th nảy sinh ý định lấy trộm. Th dừng lại phía trước nhà để Đ đi bộ vào lấy trộm, nhưng sợ trong nhà có người nên Đ đi lại phía sau nhà thì gặp bà H. Lúc này Đ giả vờ hỏi thăm đường đi tỉnh Vĩnh Long, còn Th ngồi trên xe mô tô 71B1-767.45 chờ. Sau khi hỏi

thăm đường xong, Th điều khiển xe 71B1-767.45 chở Đ bỏ đi khỏi nhà bà H. Do chưa lấy trộm được xe mô tô của bà H, nên Th và Đ tiếp tục quay trở lại nhà bà H. Khi phát hiện phía trước nhà bà H không có người trông coi (do bà H đang làm việc ở nhà sau), nên Đ lén lút đi vào hông nhà phía trước lấy trộm xe 84H4-3927, bên trong cốp xe có một số giấy tờ cá nhân của bà H rồi dẫn ra sân nổ máy điều khiển xe trộm được chạy phía trước, còn Th điều khiển xe 71B1-767.45 chạy phía sau. Sau đó, Đ điều khiển xe 84H4-3927 đem gửi tại Bệnh viện CLM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đến ngày 11-01-2020 Đ đến lấy xe ra và nhờ anh Hồ Thanh N (Là bạn của Đ) đem cầm cố cho ông Huỳnh Ngọc Đ1 với giá 10.000.000 đồng. Số tiền này, Đ chia cho Th 3.500.000 đồng, cho anh N 200.000 đồng, còn lại Đ tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 16-01-2020, Đ, Th đến Công an huyện C đầu thú, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐGTS ngày 16-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Một xe mô tô nhãn hiệu Future, màu sơn đỏ đen, số máy JC35E0066976, số khung RLHJC35065Y066924, biển kiểm soát 84H4-3927 của bà Phạm Thị Thúy H giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thu giữ và trao trả cho bà Phạm Thị Thúy H xe mô tô biển kiểm soát 84H4-3927 và một Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy đăng ký của xe 84H4-3927.

Đối với hành vi của ông Dương Văn B giao xe cho Dương Thành Đ điều khiển nhưng không biết Đ lấy xe để thực hiện hành vi phạm tội; Đối với hành vi của anh Hồ Thanh N giúp Dương Thành Đ tìm người cầm xe trộm được nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có; Đối với hành vi của ông Huỳnh Ngọc Đ1 nhận cầm cố xe do Dương Thành Đ trộm được nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSCL ngày 11-3-2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố Dương Thành Đ và Lê Ngọc Th cùng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Thành Đ, Lê Ngọc Th đã khai nhận hành vi phạm tội lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 84H4-3927 của bà Phạm Thị Thúy H đúng như đã nêu trong Bản cáo trạng, hai bị cáo thống nhất với kết luận định giá ngày 16-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh; Ngoài ra, hai bị cáo đều xác nhận mỗi bị cáo có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích.

Đối với bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định vẫn giữ nguyên các lời khai có trong hồ sơ vụ án. Đối với ông Huỳnh Ngọc Đ1 giữ nguyên yêu cầu các bị cáo phải trả số tiền 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo Dương Thành Đ, Lê Ngọc Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Thành Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 16-01-2020. Đối với bị cáo Lê Ngọc Th, Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Ngọc Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 16-01-2020. Ngoài ra, Vị còn đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự buộc hai bị cáo Đ, Th liên đới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho ông Huỳnh Ngọc Đ1 và đề nghị buộc bị cáo Đ nộp án phí theo quy định pháp luật, xét miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Th do thuộc diện hộ nghèo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Th trình bày: Vị hoàn toàn thống nhất hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố đối với bị cáo Lê Ngọc Th. Nhưng Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th với các tình tiết giảm nhẹ là: Bản thân bị cáo sau khi phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; thiệt hại xảy ra không lớn; hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo; bản thân bị cáo là con em nông dân lao động. Do bị cáo Th được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất dành cho bị cáo Lê Ngọc Th. Về trách nhiệm dân sự, Vị đề nghị Hội đồng xét xử khi tuyên hai bị cáo liên đới bồi thường 10.000.000 đồng cho ông Huỳnh Ngọc Đ1 cần ghi nhận rõ từng phần bồi thường của từng bị cáo, vì trong vụ án này bị cáo Th chỉ được phân chia số tiền 3.500.000 đồng.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã tranh luận đối đáp với nhau, sau cùng mỗi người giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là: Bị cáo Dương Thành Đ và bị cáo Lê Ngọc Th xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người

tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị hại bà Phạm Thị Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Thanh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Đồng thời thống nhất với bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐGTS ngày 16-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời nhận tội của các bị cáo Dương Thành Đ, Lê Ngọc Th tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Dương Thành Đ, Lê Ngọc Th đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét thấy Bản cáo trạng số 09/CT-VKSCL ngày 11-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố các bị cáo Dương Thành Đ, Lê Ngọc Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật, không oan, không sai.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, xe mô tô,... phải do quá trình lao động vất vả tạo lập mới có được. Các bị cáo là những thanh niên có sức khỏe, đủ khả năng lao động để tạo ra thu nhập hợp pháp phục vụ nhu cầu sống bản thân và gia đình, nhưng không tích cực lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra sức lao động, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể, vào khoảng 14 giờ 40 phút ngày 10-01-2020, tại ấp MHA, xã ĐM, huyện C, tỉnh Trà Vinh, hai bị cáo Đ, Th đã trộm xe mô tô biển kiểm soát 84H4-3927 hiệu Future màu sơn đỏ đen của bà Phạm Thị Thúy H có giá trị là 10.000.000 đồng.

[6]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của hai bị cáo là đồng phạm giản đơn, nhưng hành vi thực hiện phạm tội của từng bị cáo có khác nhau. Đối với bị cáo Dương Thành Đ giữ vai trò chính vì là người rủ rê, tìm chọn nơi thực hiện hành vi trộm, trực tiếp thực hiện và chia tiền; Còn bị cáo Lê Ngọc Th là người giúp sức tích cực theo chỉ dẫn của bị cáo Đ. Hành vi của hai bị cáo đã xâm

phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Bản thân hai bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, mà vẫn cố ý phạm tội, hậu quả đã xảy ra, tội phạm đã hoàn thành. Bản thân bị cáo Đ đã có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, bị xét xử tổng hợp hình phạt 04 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-10-2019 và bị cáo Th có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, bị xét xử tổng hợp hình phạt 03 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21-12-2018. Các lần phạm tội của hai bị cáo chưa được xóa án tích. Đáng lẽ ra các bị cáo phải biết ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm để trở thành người tốt, nhưng vẫn cố ý phạm tội. Nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo Điều 53 Bộ luật Hình sự.

[7]. Hành vi phạm tội của hai bị cáo thể hiện thái độ rất xem thường pháp luật, thuộc thành phần khó cải tạo. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử lý các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi của từng bị cáo và tính chất của vụ án, nhằm giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú về hành vi phạm tội, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bản thân hai bị cáo là con em nông dân lao động, đối với bị cáo Th hoàn cảnh gia đình thuộc diện hộ nghèo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại bà Phạm Thị Thúy H đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về việc bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc Đ1, xét thấy để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án khi án có hiệu lực và phù hợp với quy định pháp luật, cần buộc bị cáo Đ và bị cáo Th phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền này cho ông Đ1.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Dương Thành Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Lê Ngọc Th được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm do thuộc diện hộ nghèo.

[11] Từ những nhận định trên, ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Th có căn cứ để chấp nhận một phần phù hợp với quy định pháp luật.

[12] Đối với ông Dương Văn B giao xe mô tô biển kiểm soát 71B1-767.45 cho bị cáo Đạt điều khiển nhưng không biết bị cáo sử dụng xe đi trộm cắp tài sản; Đối với anh Hồ Thanh N giúp Dương Thành Đ tìm người cầm xe trộm được nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có; Đối với ông Huỳnh Ngọc Đ1 nhận cầm cố xe do Dương Thành Đ trộm được nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có, nên không xử lý đối với ông B, anh N, ông Đ1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Thành Đ và bị cáo Lê Ngọc Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). **Xử phạt bị cáo Dương Thành Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 16-01-2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). **Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Th 02 (Hai) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 16-01-2020.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

- Đối với bị hại bà Phạm Thị Thúy H đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử miễn xét.

- Buộc bị cáo Dương Thành Đ và bị cáo Lê Ngọc Th liên đới bồi thường số tiền **10.000.000 đ (Mười triệu đồng)** cho ông Huỳnh Ngọc Đ1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Dương Thành Đ nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Lê Ngọc Th thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo